

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 01/02/2024  
V/v "ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn".

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thiên Nga.

**Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Phạm Thị Dung và bà Vũ Thị Xuyên.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2023/TLST-HNGĐ ngày 02/11/2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/01/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K; sinh năm: 1979

Địa chỉ: khu phố X, phường B, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1986

Địa chỉ: tổ B, khu T, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2023, tại bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh K và chị Phạm Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UBND phường B, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng anh K chung sống với nhau tại tổ B, khu T, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau do hai vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Cuộc sống rất nặng nề, căng thẳng và không có tiếng nói chung. Hiện tại hai vợ chồng anh K đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau nữa. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyến

giải nhiều lần nhưng không thành. Anh K xác định đến nay mâu thuẫn giữa anh và chị T đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn. Nay anh K đề nghị Tòa án giải quyết cho anh K được ly hôn với chị Phạm Thị Trinh .

Về con chung: anh K và chị T có 03 con chung là Nguyễn Thị Ngọc sinh ngày 11/5/2006; Nguyễn Minh L1 sinh ngày 22/8/2008 và Nguyễn Đức M sinh ngày 19/5/2019. Khi ly hôn anh K muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức M đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị N và Nguyễn Minh L1. Anh K và chị T không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: anh K và chị T có tài sản chung nhưng tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh K và chị T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 17/11/2023 và tại phiên toà bị đơn chị Phạm Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: quá trình tìm hiểu và kết hôn như anh K trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nhất nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau. Hiện tại hai vợ chồng chị T đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, anh K về quê ở, mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh K đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị T đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn K vì xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được.

Về con chung: chị T và anh K có 03 con chung là Nguyễn Thị Ngọc sinh ngày 11/5/2006; Nguyễn Minh L1 sinh ngày 22/8/2008 và Nguyễn Đức M sinh ngày 19/5/2019. Khi ly hôn chị T đồng ý để anh K được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức M đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị N và Nguyễn Minh L1 đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh K và chị T không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị T và anh K có tài sản chung nhưng tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị T và anh K không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 28/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh - Ông Nguyễn Ngọc T1 là khu trưởng khu T, phường P, thành phố U cung cấp sự việc: Chị T là công dân cư trú tại tổ B, khu T, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do hai người tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Vợ chồng anh K có 03 con chung, hiện nay 03 con chung đang sống cùng với mẹ. Hai vợ chồng anh K đều làm công nhân nhưng thu nhập của anh K cao hơn chị T. Nay anh K có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh K, cho anh K được ly hôn chị Phạm Thị T; Giao con chung Nguyễn Đức M sinh ngày 19/5/2019 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 02/2024 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); Giao con chung Nguyễn Thị Ngọc sinh ngày 11/5/2006 và Nguyễn Minh L1 sinh ngày 22/8/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 02/2024 đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi); anh K và chị T không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; về tài sản chung: không đề cập giải quyết.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” bị đơn có nơi cư trú tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

*[2.1] Về quan hệ hôn nhân:* anh Nguyễn Văn K và chị Phạm Thị T kết hôn vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng anh K, chị T không có hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do hai người tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã, hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các đương sự để tiến hành hòa giải tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng nhau gỡ bỏ mâu thuẫn trong cuộc sống nhưng chị T vẫn vắng mặt không lý do có tình không hợp tác chứng tỏ chị T cũng không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh K và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K là phù hợp với thực tế và có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Anh K và chị T có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc sinh ngày 11/5/2006; Nguyễn Minh L1 sinh ngày 22/8/2008 và Nguyễn Đức M sinh ngày 19/5/2019. Các con chung hiện nay đều đang ở cùng với chị T. Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, cháu Nguyễn Thị N và cháu Nguyễn Minh L1 đều thể hiện quan điểm nếu bố mẹ ly hôn, cháu muốn được ở với mẹ vì mẹ cháu có đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục cháu tốt hơn bố cháu. Chị T hiện nay đang làm công nhân tại công ty TNHH S, thu nhập một tháng khoảng 8.000.000 đồng, với mức lương như vậy việc nuôi dưỡng cả ba con chung sẽ vất vả, không đảm bảo cuộc sống cho các con. Anh K đang làm công nhân mỏ thu nhập một tháng khoảng 20.000.000 đồng. Tại phiên toà, về việc nuôi dưỡng con chung chị T có quan điểm đồng ý để anh K được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức M còn chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị N và Nguyễn Minh L1. Hội đồng xét xử công nhận quan điểm nuôi con chung của chị T và anh K.

Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần giao con chung Nguyễn Đức M cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Thị N, Nguyễn Minh L1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại các Điều 81,82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: anh K và chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề tài sản và nợ chung.

[3] **Về án phí**: anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] **Quyền kháng cáo**: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Khoản 1 Điều 56; Điều 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn K về việc xin ly hôn với chị Phạm Thị Trinh .

*Tuyên xử:*

1. Anh Nguyễn Văn K được ly hôn chị Phạm Thị Trinh .
2. Về con chung: giao con chung Nguyễn Đức M sinh ngày 19/5/2019 cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 02/2024 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung Nguyễn Thị Ngọc sinh ngày 11/5/2006 và Nguyễn Minh L1 sinh ngày 22/8/2008 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 02/2024 đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh K và chị T không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn K và chị Phạm Thị T có quyền thăm nom

con mà không ai được cản trở. Trường hợp, bên nào lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: anh Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh K đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002546 ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Anh K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: anh Nguyễn Văn K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án; chị Phạm Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Uông Bí;
- Chi cục THADS TP Uông Bí;
- UBND phường Bồng Lai, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu án văn + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Thiên Nga**





